

Bản tin chứng khoán

Trong số này

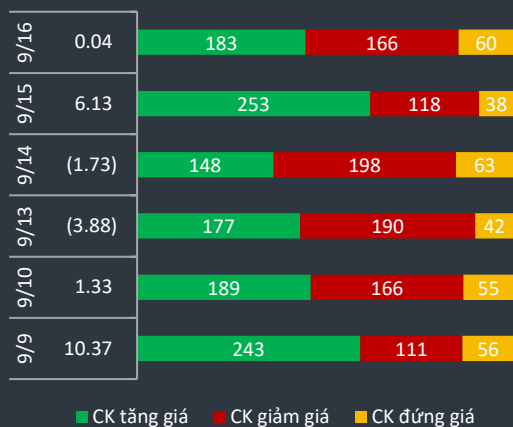
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VRE		78.70
MSN		47.51
MBB		35.23
GMD		32.51
KDH		30.28
HPG		26.30
NVL	(25.35)	
SSI	(27.77)	
HSG	(29.31)	
DPM	(32.21)	
VNM	(40.35)	
DGC	(43.10)	
DGW	(82.87)	
VIQ1	1,144.59	

Thị trường mở đầu giao dịch vẫn khá tích cực tiếp nối phiên hôm qua với mức xanh từ 3- 5 điểm. Nhờ mức xanh duy trì cả phiên sáng tạo điều kiện nhiều cổ phiếu tăng tốc. Tuy nhiên phiên chiều chỉ số Vnindex lại bị đè nén bởi nhóm Big cap của Vingroup và SAB. Cuối phiên độ rộng vẫn áp đảo với 212 mã xanh so với 187 mã giảm nhưng chỉ số gần như đi ngang. VIC mở cửa đã giảm gần 0,8% và càng lúc càng rơi. VHM giảm chậm hơn nhưng từ 10h45 trở đi cũng bốc hơi nặng. Chốt ngày VIC giảm 3,9%, VHM giảm 2,2%. Chỉ hai cổ phiếu này đã khiến VN-Index bốc hơi gần 4,5 điểm. Chưa kể trong ngày hàng loạt blue chip khác cũng giảm mạnh như HVN, SAB, SSI, MWG.

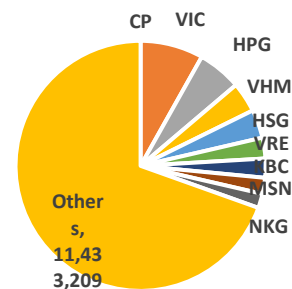
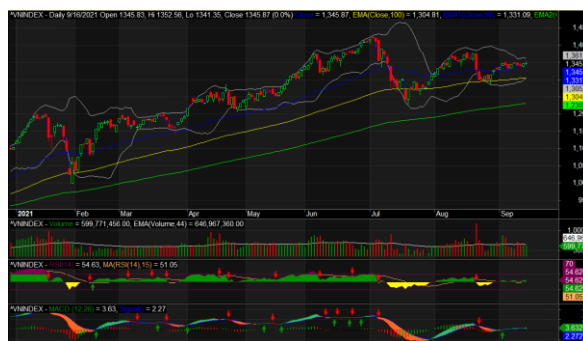
Trái ngược với nhóm Vingroup đề chỉ số thì có nhóm ngân hàng bù lại với hầu hết các mã ngân hàng trên sàn đều xanh điểm. Không tăng mạnh nhưng nhóm bank tầm trung và lớn cũng ở mức trên 1.5% như CTG, BID, VPB, MBB. OCB có thời điểm lên gần 23 sau đó hạ nhiệt về 22.4 – tăng 0.7%. Thanh khoản chung của nhóm ngân hàng hôm nay đều thấp và riêng OCB chỉ đạt khoảng 661 ngàn CP. Nhóm chứng khoán lại phân hóa mạnh khi những mã nhỏ CSI, APS, HBS tăng tốt trong khi HCM, VND, SSI, MBS lại đỏ rực. VCI là blue chip duy nhất trong nhóm giữ xanh nhẹ cuối phiên.

Các nhóm ngành khác cũng có sự phân hóa mạnh như Bán lẻ có MWG mất -0.8% và DGW rơi còn sâu hơn -6.6%. nhóm phân đạm DCM, DPM, BFC, LAS đều mất điểm nhẹ quanh -1%. Nhiều nhóm ngành hôm nay cũng rung lắc như thép NKG hôm trước trần thì hôm nay đã đỏ nhẹ.

Nhóm khoáng sản vẫn duy trì sức bật tốt dù nhiều cổ phiếu tăng mạnh nằm ở Upcom và HNX. Những cổ phiếu trong ngày tiếp tục đà tăng tốt và hút dòng tiền mạnh hiện tại như NBC, BMC, IDC, GMD, DGC. Nhóm dầu khí cũng đáng chú ý ở nhóm cổ phiếu ASP, TDG, PGC, PVD, BSR.

Vnindex 1,345.87

▲ +0.04 (+0.01%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VRE	30.0	1,450	5.08
MSN	149.8	4,900	3.38
VPB	65.0	1,100	1.72
CTG	31.7	500	1.61
BID	39.4	600	1.55
TCB	49.1	700	1.45
HDB	25.1	350	1.41
MBB	27.8	350	1.28
PNJ	93.0	1,100	1.20
GAS	92.6	1,100	1.20
TPB	38.7	400	1.05
VCB	98.1	1,000	1.03
BVH	54.5	400	0.74
FPT	94.7	600	0.64
STB	26.8	150	0.56
VNM	86.4	300	0.35
ACB	31.3	100	0.32
PLX	51.0	100	0.20
VIB	35.2	50	0.14
PDR	81.8	100	0.12
POW	11.8	-	-
VJC	126.0	-	-
REE	65.0	-	-
NVL	103.1	-	-
BCM	48.0	-	-
GVR	38.4	(100)	(0.26)
HPG	51.3	(300)	(0.58)
MWG	123.6	(1,000)	(0.80)
SSI	42.5	(400)	(0.93)
VHM	80.1	(1,800)	(2.20)
DHG	99.0	(2,900)	(2.85)
SAB	161.0	(5,000)	(3.01)
VIC	87.8	(3,600)	(3.94)
HVN	25.5	(1,300)	(4.85)

Khối ngoại hôm nay mua vào 1623 tỷ và bán ra đến 2949 tỷ đồng tương ứng bán ròng hơn 1300 tỷ. Trong số này VIC chiếm vị trí đáng kể nhất với gần 13 triệu CP bán ra. Một số mã khác cũng bán ròng trong ngày có VNM, VHM, DPM, TCH, HSG, SSI, DGW, HDB. Phía mua ròng cũng có vài CP đáng chú ý như VRE, HPG, MBB, CTG.

Bị bán ròng mạnh như vậy nhưng chỉ số Vnindex vẫn đứng khá vững nhờ một số cổ phiếu khác cân lại với nhóm giảm điểm. Thanh khoản vẫn khá thấp nhưng không phải vấn đề lớn. Dòng tiền vẫn chảy vào thị trường và hướng vào nhiều nhóm cổ phiếu tăng trưởng đón đầu kết quả quý 3 năm nay như nhóm khoáng sản, VLXD, bán lẻ ... Phiên cuối tuần ngày mai có thể chỉ có xáo trộn một chút về mặt giao dịch còn lại nếu thị trường điều chỉnh là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy cổ phiếu. Cổ phiếu ưu tiên nắm giữ:

Thép: HPG, HSG, NKG

Phân đạm: DCM, DPM

Bán lẻ: DGW, FRT, MWG, PET

Các ngành khác: OCB, DGC, GVR, FPT, SZC, VCI

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	65.0	(1.5)	50	65	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 54	7/12/2021	27.5%
GVR	38.4	(3.9)	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	30.6%
HCM	52.2	(5.9)	44	60	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 60	7/12/2021	16.0%
VCI	62.8	(1.1)	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 55-57	7/12/2021	28.2%
SSI	42.5	(3.3)	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	28.8%
MBB	27.8	(2.1)	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	-4.1%
OCB	22.4	(2.4)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	-2.6%
HPG	51.3	(1.2)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 45	7/12/2021	14.0%
STB	26.8	(2.2)	27	35	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 27	7/12/2021	-4.3%
KBC	42.7	(2.3)	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	9.5%
DGW	109.7	14.6	120	170	Nắm giữ	3/3/2021	119.4%
MWG	123.6	4.0	130	190	Nắm giữ	2/3/2021	45.4%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

TDG	6.90
CSM	6.91
TGG	6.91
FDC	6.93
TDH	6.93
ITD	6.94
QBS	6.94
EVE	6.96
BMC	6.97
JVC	6.98
YBM	6.98
YBM	6.98
TIE	14.00
PXT	14.29

Top tăng giá HNX

TVD	9.50
TPP	9.62
VKC	9.63
MAC	9.72
TKU	9.80
API	9.82
NSH	9.82
THB	9.85
APS	9.88
APP	9.88
THT	9.89
SMT	9.91
VTC	9.93
FID	10.00
PCG	10.00
BTS	10.00
SCL	12.77
VE9	14.63

TCM – CTCP Dệt may Thành Công - Doanh thu tháng 8 đạt 10,5 triệu USD (238 tỷ đồng), giảm 23% so với cùng kỳ năm trước; lỗ sau thuế 282.425 USD (6,4 tỷ đồng), cùng kỳ năm trước lãi 1 triệu USD (22,7 tỷ đồng). Đây là tháng đầu tiên doanh nghiệp lỗ kể từ khi công khai lợi nhuận tháng.

Lũy kế 8 tháng, doanh thu đạt 106 triệu USD (2.406 tỷ đồng), cao hơn 4% so với cùng kỳ năm trước và thực hiện 59% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế 5,48 triệu USD (124 tỷ đồng), giảm 24,4% và thực hiện 44,4% kế hoạch năm.

VIC - Tập đoàn Vingroup - Công bố thông tin về việc góp 99%, tương đương 466 tỷ đồng để thành lập CTCP VinBigData.

OIL - Tổng công ty Dầu Việt Nam - Tháng 7 và 8, doanh thu PV Oil ước đạt 7.463 tỷ đồng và lỗ 17,5 tỷ đồng. Doanh thu bình quân tháng 7 và 8 giảm 12% so với mức bình quân nửa đầu năm.

TNG - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG - Doanh thu tháng 8 đạt 577 tỷ đồng, giảm 7% so với cùng kỳ, sau khi trừ chi phí lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 34,4 tỷ đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ. Lũy kế 8 tháng, TNG đạt doanh thu 3.543 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 170,4 tỷ đồng, tăng lần lượt 15,6% và 17,5% so với cùng kỳ.

MCH - CTCP Hàng tiêu dùng Masan - Dự kiến phát hành 7,08 triệu cổ phiếu ESOP, tương ứng tỷ lệ phát hành là 0,9995% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Giá phát hành cổ phiếu ESOP là 70.000 đồng/CP. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu ESOP từ ngày 15/9 đến ngày 24/9/2021.

DGW - CTCP Thế giới số - Đã thông qua phương án phát hành 500.000 cổ phiếu ESOP, với giá 40.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện trong quý IV/2021.

VCG - Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Ngày 21/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức còn lại năm 2020 và tạm ứng năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 22/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ tổng cộng 12%, thanh toán bắt đầu từ 22/10/2021.

SBV - CTCP Siam Brothers Việt Nam - Ngày 23/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 24/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%, thanh toán bắt đầu từ 22/10/2021.

CTD - CTCP Xây dựng Coteccons - Ngày 22/9 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 23/9. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ 20/10/2021.

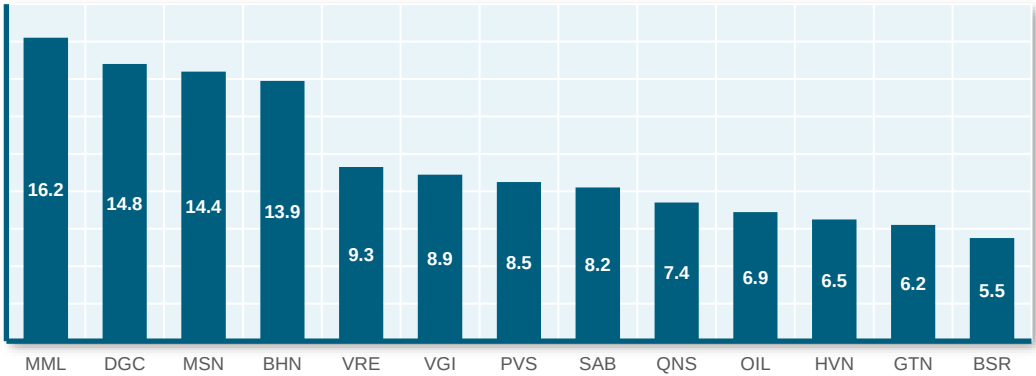


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	65.0	4,700,400	12.9	2.7	-	-	160,534	15.00	5,056	24,447
VIB	HOSE	35.2	450,000	6.2	2.6	2,200	4,400	54,671	21.00	5,638	13,552
VCB	UPCOM	98.1	570,400	17.7	3.5	178,200	376,600	363,841	23.61	5,532	28,293
VBB	HNX	17.0	41,367	20.5	1.5	-	-	8,121	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.0	222,310	14.2	1.3	-	-	7,564	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	38.7	5,226,100	8.5	2.0	80,000	102,000	41,420	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	49.1	5,523,500	10.6	2.1	-	-	172,091	23.00	4,614	23,938
STB	UPCOM	26.8	5,187,000	13.9	1.6	116,900	313,400	50,430	15.98	1,922	16,846
SSB	HOSE	35.8	3,057,900	20.8	2.9	-	-	47,994	0.01	1,723	12,310
SHB	HOSE	26.1	10,266,560	12.0	1.9	5,500	3,400	50,257	3.96	2,183	14,014
SGB	HNX	17.3	31,000	-	1.4	-	-	5,328	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	25.2	967,846	34.1	1.9	-	30,000	7,560	15.00	739	13,529
OCB	HNX	22.4	661,100	5.9	1.3	24,000	-	30,685	21.96	3,799	17,827
NVB	HOSE	30.0	1,156,320	146.3	2.8	1,100	90,400	12,204	8.55	205	10,726
NAB	HOSE	19.6	114,305	5.8	1.2	-	-	8,946	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	28.7	4,645,900	8.7	1.6	-	-	33,664	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	27.8	9,774,200	7.1	1.4	2,124,700	850,400	105,037	23.51	3,897	19,986
LPB	HOSE	22.1	2,924,100	8.5	1.5	200	5,000	26,599	3.60	2,591	14,466
KLB	HOSE	21.8	117,743	10.7	1.5	-	-	6,974	-	2,035	14,117
HDB	HOSE	25.1	1,698,800	6.5	1.4	324,400	861,700	50,004	18.65	3,854	17,399
EIB	HOSE	25.2	599,200	28.8	1.8	-	9,600	30,982	29.73	874	14,061
CTG	HOSE	31.7	6,372,600	7.2	1.3	1,534,200	870,800	152,102	24.65	4,394	25,028
BVB	HOSE	19.3	746,054	16.7	1.5	-	-	7,085	0.05	1,157	12,737
BID	HOSE	39.4	1,465,600	15.7	1.9	107,400	2,700	158,468	16.64	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.2	49,000	23.4	1.8	-	-	15,729	-	950	12,242
ACB	HOSE	31.3	3,455,500	6.8	2.1	-	-	84,571	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	20.7	992,052	7.4	1.2	-	-	11,826	30.00	2,801	16,671
			71,016,857	18.35	1.84	4,498,800	3,520,400	1,704,686		2,766	16,602



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	42,900	14,257,698	28,095,825	2,647.4	16.2	2.42	17,724
VCI	UPCOM	62,500	5,366,300	20,812,500	3,445.7	18.1	2.11	29,655
HCM	HNX	53,100	5,899,530	16,197,722	3,099.8	17.1	3.40	15,612
VND	UPCOM	53,500	9,323,024	22,953,041	6,320.1	8.5	2.56	20,939
SHS	UPCOM	39,100	6,666,317	8,104,187	5,431.3	7.2	2.18	17,951
MBS	UPCOM	34,800	3,292,996	9,312,513	1,470.3	23.7	2.65	13,147
FTS	HOSE	60,700	749,948	8,957,030	3,583.0	16.9	3.42	17,751
VIX	HNX	18,800	4,398,621	2,401,117	5,549.5	3.4	1.16	16,190
AGR	HOSE	16,500	3,189,134	3,484,799	1,000.6	16.5	1.69	9,775
BSI	UPCOM	27,300	1,470,312	3,318,880	2,231.6	12.2	2.15	12,711
ORS	HNX	26,000	1,640,408	5,200,000	1,944.6	13.4	2.46	10,574
VDS	HOSE	32,200	1,088,389	3,384,370	3,856.6	8.3	2.50	12,884
CTS	HOSE	28,500	1,806,580	3,027,069	2,676.3	10.6	2.05	13,885
TVS	HOSE	36,900	128,393	3,624,878	5,036.9	7.3	2.48	14,852
BVS	UPCOM	33,100	945,471	2,389,825	3,242.7	10.2	1.23	26,909
EVS	HOSE	35,400	349,844	2,230,214	3,859.6	9.2	2.50	14,167
SBS	HOSE	15,300	3,983,483	1,937,898	79.4	192.7	9.31	1,643
PHS	HOSE	16,900	1,540	2,365,992	979.4	17.3	1.50	11,291
TVB	HOSE	22,500	1,336,058	2,401,098	2,793.8	8.1	1.93	11,645
ART	HNX	9,700	3,797,483	940,148	31.6	306.8	0.85	11,459
TCI	UPCOM	20,100	411,394	994,950	2,671.6	7.5	1.64	12,235
IVS	UPCOM	11,300	118,669	783,655	411.7	27.4	1.15	9,862
BMS	UPCOM	25,700	353,788	1,464,900	4,097.6	6.3	1.98	12,977
APS	HOSE	16,200	2,130,971	631,800	2,387.2	6.8	1.46	11,126
PSI	UPCOM	11,900	322,390	712,111	300.3	39.6	1.13	10,519
AAS	HOSE	17,200	1,638,380	1,376,000	(398.6)		1.53	11,276
WSS	HNX	11,500	265,144	578,450	885.5		1.17	9,859
VFS	UPCOM	11,800	129,218	483,800	1,199.4	9.8	1.05	11,247



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CNG	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CRC	HOSE	27/09/2021	28/09/2021	18/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	CRC	HOSE	27/09/2021	28/09/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
4	TMP	HOSE	23/09/2021	24/09/2021	5/10/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 1,230 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	STP	HNX	21/09/2021	22/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	SBH	UPCoM	21/09/2021	22/09/2021	12/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,980 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VPG	HOSE	20/09/2021	21/09/2021	28/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DRI	UPCoM	17/09/2021	20/09/2021	5/10/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	PVP	UPCoM	17/09/2021	20/09/2021	1/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	DNW	UPCoM	17/09/2021	20/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	BTP	HOSE	17/09/2021	20/09/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	DIH	HNX	17/09/2021	20/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	SZC	HOSE	17/09/2021	20/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	GDT	HOSE	16/09/2021	17/09/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	SPV	UPCoM	15/09/2021	16/09/2021	18/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	C69	HNX	15/09/2021	16/09/2021	30/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	VHM	HOSE	15/09/2021	16/09/2021	1/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	VHM	HOSE	15/09/2021	16/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
19	CRE	HOSE	14/09/2021	15/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	CRE	HOSE	14/09/2021	15/09/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:95, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
21	C4G	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	HDW	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 740 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	XLV	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	HMS	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	30/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	DCG	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	24/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	HAT	HNX	14/09/2021	15/09/2021	15/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	NTC	UPCoM	14/09/2021	15/09/2021	30/09/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 6,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	CTT	HNX	14/09/2021	15/09/2021	28/09/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931